

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2026/DS-PT

Ngày: 14 – 4 – 2026

V/v “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại
theo luật trách nhiệm bồi thường của
nhà nước trong thi hành án dân sự*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thọ.

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa
án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành
phố Cần Thơ, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 79/2025/TLPT-DS ngày
05 tháng 03 năm 2025 về việc “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật
trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực thi hành án dân sự*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2024/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024
của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân kv – Cần
Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 02
năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 283/2026/QĐ-PT ngày
18 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn N (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1.1. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1968; Địa chỉ ấp K, phường M, tỉnh Đồng Tháp, xin vắng mặt.

1.2. Ông Nguyễn Minh K; Địa chỉ ấp K, phường M, tỉnh Đồng Tháp, xin vắng mặt.

1.3. Bà Nguyễn Thị Hồng L; Địa chỉ ấp K, phường M, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

1.4. Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ ấp K, phường M, tỉnh Đồng Tháp, xin vắng mặt.

1.5. Bà Nguyễn Thị Hồng N2, sinh năm 1974 (chết năm 2012).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1.5.1. Dương Hồng N3, sinh năm 2007 (con bà N2); Địa chỉ số H D, S, Melbourne, FL (định cư tại Mỹ), vắng mặt.

1.5.2. Dương Ngọc H1 (chồng bà N2); Địa chỉ số H D, S, Melbourne, FL (định cư tại Mỹ), vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1969 (đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn N); Địa chỉ ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: ấp K, phường M, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H2: Ông Trần Văn T – Luật sư công ty L2 – Đoàn luật sư thành phố C; Địa chỉ số B T, N, Cần Thơ, có mặt.

* *Bị đơn:* Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Đường N, phường A, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Phước T1 – Trưởng Thi hành án dân sự thành phố C; Địa chỉ đường N nối dài, phường A, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Nguyễn Thanh T2 – Chức vụ: Phó trưởng phòng – Phòng THADS kv– Cần Thơ, có mặt.

- Ông Nguyễn Văn G – Chức vụ: Phó trưởng phòng – Phòng THADS khu vực 13 – Cần Thơ, có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Lệ C1, sinh năm 1971; Địa chỉ ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: ấp K, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Nguyễn So N4, sinh năm 1995; Địa chỉ ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: ấp K, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà C1 và anh So N4: Ông Nguyễn Văn H2; Địa chỉ ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: ấp K, phường M, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

3.3. Chị Nguyễn Thiên N5, sinh năm 2002; Địa chỉ ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: ấp K, phường M, tỉnh Đồng Tháp, xin vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Văn G, chức vụ: trước đây là Chi cục Trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang; Địa chỉ liên hệ: Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Cần Thơ, có mặt.

3.5. Ông Võ Văn C – Nguyên chấp hành viên của Chi cục thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang (cũ); Địa chỉ liên hệ: ấp A, xã G, tỉnh An Giang, có mặt.

3.6. Ông Lâm Quang L1 - Nguyên chấp hành viên của Chi cục thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang (cũ); Địa chỉ liên hệ: Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Cần Thơ, có mặt.

3.7. Ngân hàng N8.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Minh H3 – Giám đốc Ngân hàng N8 – Chi nhánh thị xã L, thành phố Cần Thơ, vắng mặt và từ chối tham gia tố tụng.

3.8. Bà Thân Thị Thu N6, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp I, xã V, thành phố Cần Thơ (trước là ấp I, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang), vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn H2 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn H2 trình bày: Ông Nguyễn Văn H2 là người phải thi hành án theo bản án số 181/2014/DS-ST ngày 25/11/2014, bản án số 07/2015/DS-ST ngày 20/01/2015, bản án số 10/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện M1. Trong giai đoạn thi hành các bản án nêu trên thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 đã tiến hành kê biên tài sản của ông Nguyễn

Văn H2, việc kê biên tài sản của ông H2 không đúng quy định của pháp luật nên bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang kháng nghị và hủy các Quyết định kê biên và các Quyết định bán đấu giá tài sản của ông Nguyễn Văn H2.

Sau khi có Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang thì ông Nguyễn Văn H2 đã khiếu nại nhiều lần như sau:

Ngày 29/4/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 giải quyết khiếu nại bằng việc ra Quyết định số 01 ngày 05/05/2021 không chấp nhận yêu cầu bồi thường cho ông Nguyễn Văn H2. Tiếp tục Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 ban hành Quyết định số 04 ngày 23/6/2021 việc không giải quyết khiếu nại cho ông Nguyễn Văn H2.

Sau đó ông H2 khiếu nại lên T6 án dân sự trả lời cho ông Nguyễn Văn H2 bằng Văn bản số 1424/TCTHADS-GQKNTC ngày 16/5/2022 về việc Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang giải quyết khiếu nại sai quy định.

Sau khi có văn bản trả lời của Tổng cục Thi hành án dân sự thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 ra Quyết định số 01 ngày 20/6/2022 để hủy Quyết định số 01 ngày 05/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 ra Quyết định số 01 ngày 24/8/2022 để hủy Quyết định số 04 ngày 23/6/2021.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang ra Quyết định số 03 ngày 17/12/2021 về việc không giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn H2.

Sau khi có văn bản của Tổng cục Thi hành án dân sự thì Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 32 ngày 29/8/2022 để hủy Quyết định số 03 ngày 17/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Ông Nguyễn Văn G là Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 giải quyết không đúng quy định nên bị hủy các Quyết định. Ông Nguyễn Văn G đã nhìn nhận các văn bản yêu cầu bồi thường của ông H2 không sai và ghi biên bản ngày 27/4/2023 không đúng nội dung ông H2 trình bày, nhưng ông G vẫn đồng ý bồi thường tổng số tiền 20.405.000 đồng, bao gồm bồi thường cho ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn N. Nếu Chi cục Thi hành án đúng thì số đất của ông Nguyễn Văn H2 đã chuyển nhượng cho ông H4 xong từ ngày 06/5/2016 thì ông Nguyễn Văn H2 sẽ có việc làm ổn định và làm cho ông Phạm Thanh H5 và chia tài sản chung thì cũng không phát sinh các số tiền mà ông Nguyễn Văn H2 yêu cầu bồi thường.

Việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 thực hiện việc kê biên tài sản không đúng quy định đã gây thiệt hại cho ông H2 như sau:

- Bị mất thu nhập do quyền sử dụng đất bị kê biên nên không thể cho thuê đất ao là 62.400.000 đồng.

Tiền lãi suất do chậm thi hành bản án số 181/2014/DS-ST ngày 25/11/2014, bản án số 10/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015 với số tiền 27.205.000 đồng.

- Số tiền bị thiệt 530.000.000 đồng bao gồm:

- + Ti bị mất thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng x 05 năm (từ tháng 10/2017 đến tháng 10/2022) = 360.000.000 đồng + Tiền mượn học bằng lái xe là 20.000.000 đồng + Tiền đóng các khoản lãi và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình là 150.000.000 đồng.

- Tiền vay Ngân hàng L3 để chi phí cho việc khiếu nại, tố cáo Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 với số tiền 300.000.000 đồng.

- Tiền lãi vay Ngân hàng Chính sách 42.000.000 đồng tính từ ngày 04/7/2016 đến ngày 27/6/2023 là 82 tháng x 266.302 đồng/tháng = 21.836.764 đồng.

- Tiền ngày công lao động bị mất do phải đi theo giấy mời của việc giải quyết khiếu nại là 12.000.000 đồng (7 năm).

- Tiền thuê nhà trọ trong thời gian chưa tìm được nơi ở mới trong 33 tháng x 1.000.000 đồng/tháng là 33.000.000 đồng.

Giữa ông Nguyễn Văn H2 và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 có thỏa thuận thương lượng bồi thường thiệt hại cho ông H2 nhưng không đạt kết quả. Vì vậy ông H2 khởi kiện tại Toà án. Ông Nguyễn Văn H2 yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn H2 tổng số tiền thiệt hại là 986.441.764 đồng và yêu cầu bồi thường 01 lần khi án có hiệu lực. Đồng thời, yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang phải công khai xin lỗi ông Nguyễn Văn H2.

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn N (có người đại diện ông Nguyễn Văn H2) trình bày: Ông Nguyễn Văn N7 cho rằng ông Nguyễn Văn G, ông Võ Văn C, ông Lâm Quang L1 lợi dụng chức vụ, quyền hạn đã kê biên tài sản trái pháp luật bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang kháng nghị. Tiếp theo đó ông Nguyễn Văn B và bà Phan Diễm P đã lập biên bản giao nhận không ghi ngày tháng tổng đạt

Quyết định số 03/QĐ-CCTHA ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn N.

Ngày 04 tháng 7 năm 2016 ông Võ Văn C, ông Lâm Quang L1 là chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang đã thực hiện việc kê biên tài sản của ông Nguyễn Văn N không đúng quy định, trong khi quyền sử dụng đất được cấp cho hộ nhưng ông Võ Văn C không cho phân chia tài sản trong hộ, nên việc kê biên là sai quy định của pháp luật. Ông Võ Văn C cho rằng sẽ lấy đất của ông N bất cứ lúc nào nên ông N không làm hợp đồng cho thuê đất được đã gây thiệt hại cho ông N. Ông Võ Văn C kê biên không đúng tài sản và ông C đã bán đấu giá nhiều hơn tài sản kê biên, từ diện tích 22.004m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N được cấp, nhưng ông Võ Văn C kê biên 23.901m² đã bán trên lệch diện tích 1.897m², đất trồng lúa thì ông Võ Văn C ghi là đất vườn.

Ngày 23/11/2016 ông N có đến Chi cục thi hành án dân sự huyện M1 để xin được tự bán tài sản của ông Nguyễn Văn N cho bà Nguyễn Thị Thanh T4, nhưng ông Lâm Quang L1 không cho bà T4 mua với lý do ông N còn thiếu nợ nhiều. Bà Nguyễn Thị Thanh T4 mua với diện tích là 18.450m² với giá 900.000.000 đồng. Thời điểm đó ông N thiếu nợ Ngân hàng N8 với số tiền là 727.150.000 đồng.

Ngày 27/4/2023, ông Nguyễn Văn H2 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N có đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 để thương lượng việc bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn N, tại đây ông Nguyễn Văn G là người đại diện của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 lập biên bản ghi không đúng ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn H2.

Việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 thực hiện việc kê biên tài sản không đúng quy định đã gây thiệt hại cho ông Nguyễn Văn N như sau:

Sau khi có Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 đã bàn giao tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 198 cho ông Nguyễn Văn N được quyền chuyển nhượng để lấy tiền thi hành án. Sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 198 cho ông H6 với giá 1.680.000.000 đồng thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 ngăn cản, sau đó ông N chuyển nhượng cho ông S với giá 1.400.000.000 đồng như vậy ông N đã bị thiệt hại số tiền 280.000.000 đồng.

- Bị mất thu nhập do quyền sử dụng đất bị kê biên nên không thể cho thuê đất có diện tích là 22.731m² là 10.900.000 đồng/tháng x 39 tháng với số tiền là 425.100.000 đồng.

- Tiền tổn thất tinh thần tương ứng với 1.490.000 đồng x 60 tháng lương cơ sở với số tiền là 89.400.000 đồng.

- Chi phí nhờ Luật sư soạn đơn là 87 tờ, mỗi tờ là 1.000.000 đồng tổng số tiền là 87.000.000 đồng.

- Chi phí gửi đơn Bưu điện và 1 USB gửi đơn khiếu nại tố cáo là 5.000.000 đồng

Tổng cộng thiệt hại mà ông Nguyễn Văn N phải chịu với số tiền là 886.500.000 đồng.

Giữa ông Nguyễn Văn N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 có thỏa thuận thương lượng bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn N nhưng không đạt kết quả. Vì vậy ông N khởi kiện tại Tòa án. Ông Nguyễn Văn N yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn N với tổng số tiền là 886.500.000 đồng, yêu cầu bồi thường 1 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, và yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang phải công khai xin lỗi ông Nguyễn Văn N.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn G là người đại diện theo pháp luật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang trình bày: Đối với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn H2 thì phía Chi cục Thi hành án có ý kiến như sau: Ngày 22/10/2015, Lãnh đạo Chi cục ban hành Quyết định số: 03/QĐ-CCTHADS về việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ công chức, người lao động năm 2015 - 2016. Đối với đồng chí Võ Văn C được phân công tổ chức thi hành án dân sự xã V (trong đó gồm có vụ ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H2). Đến ngày 06/10/2016, Lãnh đạo Chi cục ban hành Quyết định số: 6A/QĐ-CCTHADS phân công chấp hành viên Lâm Quang L1 tiếp tục phụ trách xã V nhận bàn giao hồ sơ ông Nguyễn Văn N - Nguyễn Văn H2 từ đồng chí Võ Văn C bàn giao.

Phía Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang thừa nhận ngày 05/9/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang có Quyết định số 78/QĐ-VKS về việc kháng nghị hủy kết quả kê biên tài sản theo biên bản kê biên ngày 09/8/2016 của Chấp hành viên đối với phần đất 23.901m² và Kết quả bán đấu giá

thành ngày 17/11/2017 của Công ty B1 (ông Trương Minh T5, địa chỉ: Phường T, Quận B, TP . tiền mua trúng đấu giá là 1.371.200.000 đồng) do vi phạm như sau:

1. Vi phạm Điều 89 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 quy định: “Trước khi kê biên tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc..., Chấp hành viên yêu cầu cơ quan đăng ký cung cấp thông tin về tài sản, giao dịch đã đăng ký; sau khi kê biên, Chấp hành viên thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký về việc kê biên tài sản để xử lý theo quy định tại khoản 1, Điều 178 của luật này”. Tuy nhiên thể hiện kết quả xác minh là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông N, ông H2 đang thế chấp ngân hàng đồng thời Viện kiểm sát nhân dân huyện cũng thống nhất cho kê biên.

2. Vi phạm Điểm c khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 62/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ: Chấp hành viên không thông báo cho thành viên hộ gia đình là con của ông H2 để xác định phần tài sản chung. Tuy nhiên Chấp hành viên trước khi kê biên có làm việc với con của ông H2 đã cho ý kiến đồng ý việc kê biên và Viện kiểm sát nhân dân huyện cũng thống nhất cho kê biên.

3. Vi phạm khoản 5, Điều 22 Điều 188 Luật đất đai và vi phạm khoản 1 Điều 110 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Chấp hành viên khi kê biên không làm rõ phần đất dư chênh lệch giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngoài thực tế dư 1.897m², do đất dư của hộ ông N, ông H2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc của hộ ông N, ông H2 là có lợi cho ông, không thuộc đất công, không ảnh hưởng quyền lợi của hộ ông N, ông H2. Tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân huyện cũng thống nhất cho kê biên.

Đối với yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn N trong quá trình hòa giải tại Tòa án thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang đồng ý hỗ trợ, bồi thường cho ông H2 12.000.000 đồng và bồi thường ông N 5.000.000 đồng nhưng phía nguyên đơn không đồng ý nên Tại phiên tòa hôm nay đại diện Chi cục thi hành án dân sự huyện M1 là ông Nguyễn Văn G không đồng ý bồi thường và cũng không đồng ý công khai xin lỗi theo yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

* Ông Võ Văn C trình bày: Nguyên trước đây ông là Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang được phân công phụ trách xã V. Ngày 22/10/2015, ông được phân công thực hiện nhiệm vụ thi hành bản án

có bị đơn Nguyễn Văn H7. Ngày 09/8/2016, ông có thực hiện thủ tục kê biên tài sản tại thửa 197 diện tích là 3.351,5m²; thửa 198 có diện tích là 18.844,7m², thửa 807 có diện tích là 1.415,4m² các thửa đất này là đất lúa; thửa 704 có diện tích là 289,4m² đất cây lâu năm. Tổng diện tích kê biên thực tế là 23.901m², trên giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn N được cấp là 22.004m², như vậy việc kê biên có sự trên lệch là 1.897m². Việc kê biên vẫn thực hiện đúng thủ tục kê biên. Sau khi kê biên xong thì ông đã bàn giao cho chấp hành viên Lâm Quang L1 tiếp tục thực hiện.

Nay ông Nguyễn Văn H2 yêu cầu bồi thường thì thống nhất với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn G là người đại diện theo pháp luật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1.

** Ông Lâm Quang L1 trình bày:* Ngày 06/10/2016, ông được Lãnh đạo phân công thực hiện nhiệm vụ, thi hành tiếp tục bản án có bị đơn Nguyễn Văn N và nguyên đơn là Ngân hàng N8 từ ông Võ Văn C bàn giao qua. Ông tiếp tục thực hiện việc kê biên tài sản, thẩm định giá tài sản và bán đấu giá tài sản thành công. Đến ngày 05/9/2019, thì Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang đã hủy Quyết định kê biên tài sản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1. Sau đó Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 đã hủy Quyết định bán đấu giá tài sản. Nay ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn N yêu cầu bồi thường thì ông không đồng ý vì ông không làm thiệt hại gì đối với ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn N.

** Ông Nguyễn Văn H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Lệ C1 và anh Nguyễn S1 trình bày:* Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

** Bà Nguyễn Thiên N5 trình bày:* Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

** Bà Thân Thị Thu N6 trình bày:* Trước đây ông Nguyễn Văn H2 có mua thức ăn nuôi cá của bà N6 còn nợ 1.875.209.000 đồng không trả nên bà N6 có khởi kiện yêu cầu ông H2 trả nợ và đã được Tòa án giải quyết bằng một bản án buộc ông H2 trả cho bà Thân Thị Thu N6 tổng số tiền nợ là 1.875.209.000 đồng đến khi án có hiệu lực pháp luật bà N6 đã có đơn yêu cầu thi hành án và ông H2 chỉ mới trả được 20.000.000 đồng, phần còn lại đến nay chưa trả, do ông H2 chưa có điều

kiện để thi hành án. Nay ông H2 khởi kiện thi hành án thì trong vụ án này bà N6 không yêu cầu gì, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Đại diện Ngân hàng N8 ông Hồng Minh H3 trình bày:* Đối với các khoản nợ theo bản án số 181/2014/DS-ST ngày 25/11/2014 và bản án số 07/2015/DS-ST ngày 20/01/2015 của Tòa án Nhân dân huyện M1 thì ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H2 đã tất toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng và phía Ngân hàng cũng đã trả lại hết các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H2. Hiện nay, Ngân hàng không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H2 khi Tòa án giải quyết vụ án. Nên phía Ngân hàng không có ý kiến, không có yêu cầu gì và phía Ngân hàng xin không tham gia tố tụng trong yêu cầu khởi kiện trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh Hậu Giang cũ. Nay là Tòa án Khu vực - 12 tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H2 về việc K1 yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”, đối với Chi cục thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang về việc ông Nguyễn Văn N yêu cầu bồi thường với tổng số tiền là 886.500.000 đồng; ông Nguyễn Văn H2 yêu cầu bồi thường tổng số tiền thiệt hại là 986.441.764 đồng và không chấp nhận yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang công khai xin lỗi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H2 có đơn kháng cáo. Nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn H2: Ông H2 thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu xem xét: Tiền lãi suất do chậm thi hành bản án số 181/2014/DS-ST ngày 25/11/2014, bản án số 10/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015 từ 27.205.000 đồng xuống còn 7.000.000 đồng; Tiền bị mất thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng x 05 năm (từ tháng 10/2017 đến tháng 10/2022) = 360.000.000 đồng; Tiền lãi vay Ngân hàng Chính sách 42.000.000 đồng tính từ ngày 04/7/2016

đến ngày 27/6/2023 là 82 tháng x 266.302 đồng/tháng = 21.836.764 đồng; tiền thuê nhà trọ, tiền in ấn tài liệu, tiền đi lại trong quá trình khiếu nại và tố tụng tại Tòa tổng công là 87.000.000 đồng bao gồm (tiền tìm được nơi ở mới trong 33 tháng x 1.000.000 đồng/tháng là 33.000.000 đồng).

Phần ông Nguyễn Văn H2 rút lại không yêu cầu kháng cáo là: Tiền bị mất thu nhập do quyền sử dụng đất bị kê biên nên không thể cho thuê đất ao là 62.400.000 đồng; Tiền lãi suất do chậm thi hành bản án số 181/2014/DS-ST ngày 25/11/2014, bản án số 10/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015 với số tiền 20.205.000 đồng; Tiền mượn học bằng lái xe là 20.000.000 đồng; Tiền đóng các khoản lãi và chi tiêu sinh hoạt gia đình là 150.000.000 đồng; Tiền vay Ngân hàng L3 để chi phí cho việc khiếu nại, tố cáo Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 với số tiền 300.000.000 đồng; Tiền ngày công lao động bị mất do phải đi theo giấy mời của việc giải quyết khiếu nại là 12.000.000 đồng (7 năm).

Đối với ông Nguyễn Văn N: ông N đã chết; Ông H2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N và là người đại diện ủy quyền của ông N lúc còn sống, tại Tòa ông H2 chỉ yêu cầu: Bồi thường tiền chênh lệch giá chuyển nhượng số tiền 280.000.000 đồng; Bồi thường tổn thất tinh thần đối với gia đình ông N và gia đình ông H2 số tiền 89.000.000 đồng.

Phần ông Nguyễn Văn H2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N không yêu cầu kháng cáo là: Tiền bị mất thu nhập do quyền sử dụng đất bị kê biên nên không thể cho thuê đất số tiền là 425.100.000 đồng; Chi phí nhờ Luật sư soạn đơn là 87 tờ, mỗi tờ là 1.000.000 đồng tổng số tiền là 87.000.000 đồng; Chi phí gửi đơn Bưu điện và 1 USB gửi đơn khiếu nại tố cáo là 5.000.000 đồng. Ông H2 không yêu cầu. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng khác của ông N đã được triệu tập họp lệ đều vắng mặt trong các lần triệu tập và không có ý kiến trình bày liên quan đến yêu cầu của ông N.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H2 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng: Xác định hành vi trái pháp luật của chấp hành viên được xác định theo quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang và quyết định kháng nghị này được Chi cục trưởng chi cục THADS huyện L chấp nhận kháng nghị theo Công văn số 200/CV-CCTHADS sai diện tích đất kê biên lớn hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất dư bị kê biên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất; định giá sai loại đất từ đất trồng lúa sang đất CLN; Tài sản kê biên là đất hộ nhưng không có ý kiến của các thành viên còn lại trong hộ....vi phạm Điều 74 Luật Thi hành án dân sự (LTHADS), để phân chia tài sản hoặc khi đấu giá được ưu tiên mua tài sản là tước đi quyền của đương sự. Căn cứ Điều 3 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước (LTNBTNN) thì đây là hành vi trái pháp luật. Kết luận của Viện kiểm sát khẳng định hành vi sai phạm của Chấp hành viên nếu có sai phạm nghiêm trọng thì được quyền kháng nghị. Điều 160 LTHADS và được THADS chấp nhận theo Điều 161 LTHADS. Văn bản làm căn cứ xem xét bồi thường theo khoản 5 Điều 12 LTNBTNN “Văn bản của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền trả lời chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”. Tòa án cấp sơ thẩm đã không đánh giá đúng bản chất, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa khách quan. Cần xem xét các chi phí khác không chứng minh được theo điều 28 LTNBTNN.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C1, ông L1, ông G có mặt tại phiên cùng có ý kiến trình bày: Thừa nhận thời điểm kê biên tài sản đúng, chỉ sai sót về mặt thủ tục không thông báo người có tài sản và kê biên dư đất. Đối với số tiền trước đây bị đơn thống nhất bồi thường, hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền năm triệu đồng với mười hai triệu đồng nhưng do thương lượng không thành và nguyên đơn đã khởi kiện ra Tòa nên không còn giữ ý kiến tự nguyện này. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn và cho rằng, mặt dù, có sai phạm nhưng nguyên đơn không có bị thiệt hại gì. Các quyết định kê biên đã bị hủy, đất đã trả lại cho nguyên đơn và nguyên đơn đã bán cho người khác. Chi cục THADS chỉ có nhận được văn bản xác định hành vi trái pháp luật là quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang. Sau đó có văn bản số 200/CV-CCTHADS ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Chi cục THADS huyện L về việc chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Thống nhất bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phân tích đánh giá tính pháp lý các chứng cứ các đương sự cung cấp. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm (có bài phát biểu kèm theo hồ sơ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực thi hành án dân sự, với căn cứ cho rằng Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 trong quá trình tổ chức thi hành các bản án số 181/2014/DS-ST ngày 25/11/2014, số 07/2015/DS-ST ngày 20/01/2015 và số 10/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện M1 đã có hành vi kê biên, xử lý tài sản trái pháp luật gây thiệt hại cho nguyên đơn.

[1.1]. Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 46, Điều 52 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong lĩnh vực thi hành án dân sự” và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. *Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H2, rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với:* Tiền bị mất thu nhập do quyền sử dụng đất bị kê biên nên không thể cho thuê đất ao là 62.400.000 đồng; Tiền lãi suất do chậm thi hành bản án số 181/2014/DS-ST ngày 25/11/2014, bản án số 10/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015 với số tiền 20.205.000 đồng; Tiền mượn học bằng lái xe là 20.000.000 đồng; Tiền đóng các khoản lãi và chi tiêu sinh hoạt gia đình là 150.000.000 đồng; Tiền vay Ngân hàng L3 để chi phí cho việc khiếu nại, tố cáo Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 với số tiền 300.000.000 đồng; Tiền ngày công lao động bị mất do phải đi theo giấy mời của việc giải quyết khiếu nại là 12.000.000 đồng (7 năm). Ông Nguyễn Văn H2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N rút lại yêu cầu kháng cáo đối với phần của ông N gồm: Tiền bị mất thu nhập do quyền sử dụng đất bị kê biên nên không thể cho thuê đất số tiền là 425.100.000 đồng; Chi phí nhờ Luật sư soạn đơn là 87 tờ, mỗi tờ là 1.000.000 đồng tổng số tiền là 87.000.000 đồng; Chi phí gửi đơn Buu

điện và 1 USB gửi đơn khiếu nại tố cáo là 5.000.000 đồng. Việc rút yêu cầu kháng cáo là tự nguyện, không trái pháp luật; Căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo đã rút theo quy định.

[1.3]. Về chủ thể tham gia tố tụng của bị đơn: Vụ án được thụ lý giải quyết đối với bị đơn là Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang do hành vi bị yêu cầu bồi thường phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành án của Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, hệ thống cơ quan Thi hành án dân sự đã được tổ chức lại theo Quyết định số 1901/QĐ-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Theo đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang đã chấm dứt hoạt động; quyền, nghĩa vụ, hồ sơ, tài sản và trách nhiệm pháp lý được chuyển giao, kế thừa bởi Thi hành án dân sự thành phố C; Do đó, Hội đồng xét xử xác định Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ là cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang trong quá trình giải quyết vụ án phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn N:

[2.1]. Về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước: Theo hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 05/9/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định kháng nghị số 78/QĐ-VKS kháng nghị hủy kết quả kê biên tài sản theo biên bản kê biên ngày 09/8/2016 và hủy kết quả bán đấu giá tài sản ngày 17/11/2017 đối với tài sản của ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H2 do có vi phạm trong quá trình kê biên, xử lý tài sản. Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 có Công văn số 200/CV-CCTHADS ngày 25/9/2019 chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang; Như vậy, căn cứ khoản 5 Điều 12 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (LTNBTNN) thì Công văn số 200/CV-CCTHADS ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 là văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường. Do đó, có cơ sở xác định trong quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên đã có vi phạm trong hoạt động thi hành án dân sự.

[2.2]. Tuy nhiên, theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, trách nhiệm bồi thường chỉ phát sinh khi có đủ các điều kiện là, có hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ; có thiệt hại thực tế đã xảy ra và có mối quan hệ nhân

quả trực tiếp giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại. Mặc dù, Chấp hành viên có vi phạm trong hoạt động thi hành án dân sự, nhưng theo quy định tại Điều 7, Điều 23 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, người yêu cầu bồi thường phải chứng minh có thiệt hại thực tế xảy ra và thiệt hại đó phát sinh trực tiếp từ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ. Việc có hành vi trái pháp luật không đương nhiên làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[3]. Đối với yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn Văn N:

[3.1]. Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 280.000.000 đồng do chênh lệch giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Ông N cho rằng sau khi có kháng nghị của Viện kiểm sát, ông đã thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H6 với giá 1.680.000.000 đồng nhưng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 ngăn cản nên sau đó phải chuyển nhượng cho ông S với giá 1.400.000.000 đồng, gây thiệt hại 280.000.000 đồng. Xét thấy, theo tài liệu trong hồ sơ vụ án, ngày 01/10/2019 Chấp hành viên đã ban hành quyết định giải tỏa kê biên, trả lại tài sản cho ông N và ông H2 được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đặt cọc, tài liệu thể hiện việc giao dịch với ông H6 đã hoàn tất hoặc có căn cứ chứng minh việc Chi cục Thi hành án dân sự ngăn cản trái pháp luật dẫn đến giao dịch không thực hiện được; Việc chuyển nhượng tài sản với giá bao nhiêu sau thời điểm được giải tỏa kê biên là quyền định đoạt và quyết định của ông Nguyễn Văn N. Do đó, không có căn cứ xác định thiệt hại 280.000.000 đồng là thiệt hại thực tế phát sinh trực tiếp từ hành vi trái pháp luật của cơ quan thi hành án dân sự.

[3.2]. Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 89.000.000 đồng: Theo quy định tại Điều 27 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, thiệt hại do tổn thất tinh thần chỉ được bồi thường trong các trường hợp luật quy định cụ thể. Trong vụ án này, tài sản bị kê biên là đất nông nghiệp và đất nuôi thủy sản; nhà ở, nơi cư trú của nguyên đơn không bị kê biên, không bị cưỡng chế di dời, không có căn cứ xác định danh dự, nhân phẩm, sức khỏe uy tín bị xâm phạm hoặc đời sống tinh thần của nguyên đơn bị xâm phạm do vi phạm trong hoạt động thi hành án dân sự trái pháp luật gây ra.

[4]. Đối với yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn Văn H2:

[4.1]. Đối với yêu cầu bồi thường tiền lãi chậm thi hành án số tiền 7.000.000 đồng: Theo xác minh tại Ngân hàng N8 – Chi nhánh thị xã L, đối với Bản án số

07/2015/DS-ST ngày 20/01/2015, phía Ngân hàng đã miễn giảm toàn bộ tiền lãi chậm thi hành án; đối với Bản án số 181/2014/DS-ST ngày 25/11/2014, số tiền lãi phát sinh thực tế theo bản án từ ngày 05/3/2015 đến ngày 09/8/2016 thấp hơn số tiền lãi Ngân hàng đã thu. Nguyên đơn không chứng minh được khoản lãi suất yêu cầu bồi thường là thiệt hại thực tế phát sinh trực tiếp từ hành vi kê biên trái pháp luật của Chấp hành viên. Mặt khác, nghĩa vụ trả nợ và lãi phát sinh là nghĩa vụ dân sự của người phải thi hành án theo bản án đã có hiệu lực pháp luật; Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường khoản tiền này.

[4.2]. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập số tiền 360.000.000 đồng: Ông H2 cho rằng do đất bị kê biên nên ông không thể tiếp tục làm việc cho ông Phạm Thanh H5 với thu nhập 6.000.000 đồng/tháng trong thời gian 05 năm.

Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng lao động, bảng lương, tài liệu chứng minh việc làm ổn định, mức thu nhập thực tế hoặc tài liệu chứng minh việc mất việc làm là hậu quả trực tiếp từ hành vi của cơ quan thi hành án dân sự mà chỉ cung cấp xác nhận của người ghi tên Phạm Thanh H5 là chưa đủ căn cứ xem xét bồi thường. Mặt khác, theo lời trình bày của chính ông H2 thì trong thời gian tài sản bị kê biên, gia đình ông vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng đất để canh tác, nuôi cá; cơ quan thi hành án không thu giữ, không cưỡng chế giao tài sản cho người khác quản lý; Do đó, không có căn cứ xác định ông H2 bị mất thu nhập thực tế do hành vi trái pháp luật của cơ quan thi hành án.

[4.3]. Đối với yêu cầu bồi thường tiền lãi vay Ngân hàng C2 và tiền thuê nhà trọ: Xét thấy, khoản vay Ngân hàng C2 được xác lập trước thời điểm kê biên tài sản; nghĩa vụ thanh toán khoản vay phát sinh từ quan hệ tín dụng của chính ông H2. Việc ông H2 không có khả năng trả nợ xuất phát từ tình trạng khó khăn tài chính, nghĩa vụ thi hành án theo các bản án đã có hiệu lực pháp luật, không có căn cứ xác định là hậu quả trực tiếp của việc kê biên tài sản bị kháng nghị. Đối với yêu cầu tiền thuê nhà trọ, hồ sơ vụ án thể hiện cơ quan thi hành án chỉ kê biên đất nông nghiệp, đất ao nuôi cá, không kê biên nhà ở, không cưỡng chế giao nhà. Đồng thời, nguyên đơn cũng thừa nhận gia đình có nơi ở khác tại tỉnh Tiền Giang; Do đó, không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu bồi thường này.

[4.4]. Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 87.000.000 đồng: Như nhận định [3.2] thì không có căn cứ xác định danh dự, nhân phẩm, uy tín hoặc

đời sống tinh thần của ông H2 bị xâm phạm thuộc trường hợp được bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Do đó, yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của ông H2 không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân dẫn đến việc kê biên tài sản là do ông N và ông H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các bản án đã có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thi hành án. Các khoản thiệt hại mà nguyên đơn yêu cầu bồi thường phần lớn phát sinh từ tình trạng khó khăn tài chính, nghĩa vụ thi hành án và các quan hệ tín dụng dân sự của nguyên đơn; không có căn cứ chứng minh có thiệt hại theo yêu cầu của các nguyên đơn do phát sinh trực tiếp từ các sai sót thủ tục trong hoạt động kê biên, xử lý tài sản của Chấp hành viên; Do đó, không đủ căn cứ xác định có mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ và các thiệt hại mà nguyên đơn yêu cầu bồi thường.

[6]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng và ông H2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh thiệt hại thực tế do hành vi và quyết định trái pháp luật của Chi cục Thi hành án và Chấp hành làm gây ra; Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn N có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng và ông Nguyễn Văn H2. Xét đề nghị khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 7, khoản 5 Điều 12, Điều 23, Điều 27 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ các yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn N có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đối với: Tiền bị mất thu nhập do quyền sử dụng đất bị kê biên nên không thể cho thuê đất số tiền là 425.100.000 đồng; Chi phí nhờ Luật sư

soạn đơn là 87 tờ, mỗi tờ là 1.000.000 đồng tổng số tiền là 87.000.000 đồng; Chi phí gửi đơn Bưu điện và 1 USB gửi đơn khiếu nại tố cáo là 5.000.000 đồng.

2. Đình chỉ các yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H2 đối với: Tiền bị mất thu nhập do quyền sử dụng đất bị kê biên nên không thể cho thuê đất ao là 62.400.000 đồng; Tiền lãi suất do chậm thi hành bản án số 181/2014/DS-ST ngày 25/11/2014, bản án số 10/2015/KDTM-ST ngày 29/9/2015 với số tiền 20.205.000 đồng; Tiền mượn học bằng lái xe là 20.000.000 đồng; Tiền đóng các khoản lãi và chi tiêu sinh hoạt gia đình là 150.000.000 đồng; Tiền vay Ngân hàng L3 để chi phí cho việc khiếu nại, tố cáo Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1 với số tiền 300.000.000 đồng; Tiền ngày công lao động bị mất do phải đi theo giấy mời của việc giải quyết khiếu nại là 12.000.000 đồng (7 năm).

3. Không chấp nhận phần kháng cáo còn lại của ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn N.

4. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh Hậu Giang cũ. Nay là Tòa án Kv–Cần Thơ.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

5.1. Ông Nguyễn Văn N thuộc trường hợp được miễn án phí. Ông N đã chết nên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N không phải chịu án phí phúc thẩm.

5.2. Buộc ông Nguyễn Văn H2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng ông H2 đã nộp theo Biên lai thu số 0010390 ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M1, tỉnh Hậu Giang nay do Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ quản lý; Ông Nguyễn Văn H2 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 14 tháng 4 năm 20

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND KV 12 Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 12 – Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải